

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2019/HNGĐ - ST**

Ngày: 18 – 9 – 2019

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hữu Tính

2. Bà Huỳnh Thị Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Thanh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Lê Trần Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019 tại Hội trường A – Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2019/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Cẩm V, sinh năm: 1989; Nơi đăng ký HKTT: tổ 13, ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú hiện nay: Số nhà 068/TK ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Lý Hồng T, sinh năm: 1988; địa chỉ cư trú: Tổ 13, ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt

3. Người làm chứng:

- Bà Lê Thị Ngọc M, sinh năm: 1968; địa chỉ cư trú: Tổ 13, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. Có mặt

- Chị Lý Thị Hồng V, sinh năm: 1976; địa chỉ cư trú: Tổ 18, ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt

- Bà Hoàng Thị M, sinh năm: 1953; địa chỉ cư trú: Số nhà 592, tổ 13, ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thị Cẩm V trình bày:

Chị và anh T tìm hiểu nhau được khoảng 02 năm thì tự nguyện kết hôn, được UBND xã B, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2011. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2013, nguyên nhân do anh T nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên bất hòa, xúc phạm nhau, anh T đã nhiều lần đánh chị nhưng không gây thương tích nặng. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ đầu năm 2018, anh T đi lái xe nhưng không đưa tiền phụ giúp chị lo cho gia đình, con cái, thậm chí anh T còn lấy tiền vốn buôn bán của chị để tiêu xài cá nhân, sử dụng ma túy. Tháng 3/2019 khi biết chị nộp đơn xin ly hôn thì anh T đánh chị nên chị về Bình Dương sống đến nay. Gia đình hai bên, chính quyền địa phương đã nhiều lần hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng không thành. Bản thân anh T cũng chủ động tìm cách hòa giải với chị nhưng chị không đồng ý nên anh T xúc phạm, uy hiếp chị. Nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lý Thúy V, sinh ngày: 10/9/2011. Hiện con chung sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm công nhân, thu nhập bình quân mỗi tháng 6.200.000đ.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản: Vợ chồng không có nợ chung.

** Tại Bản tự khai đề ngày 24/4/2019, quá trình giải quyết, xét xử, bị đơn anh Lý Hồng T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh T thừa nhận anh và chị V xác lập quan hệ hôn nhân như chị V trình bày là đúng. Theo anh T thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng tháng 02/2019, nguyên nhân do chị V có biểu hiện bất thường, đi đâu làm gì anh T không được biết, kể cả đi qua đêm nên vợ chồng có cãi vã, xúc phạm nhau. Khoảng tháng 3/2019 anh được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị V, do bất ngờ không kìm chế được anh T đã tát chị V 02 cái và chị bỏ nhà đi cho đến nay. Anh đã chủ động liên lạc với chị V nhiều lần để tìm biện pháp hòa giải nhưng chị V cương quyết không đồng ý. Anh T thừa nhận thời gian vợ chồng còn chung sống anh có sử dụng ma túy, hút “bò đả”, tuy nhiên đến nay anh không còn sử dụng. Tại phiên tòa anh T khai thời gian chung sống anh có đánh chị V từ 07 đến 08 lần nhưng không có thương tích đáng kể. Ngoài ra theo anh, chị V không chung thủy, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho Hội đồng xét xử xem xét. Nay anh đồng ý ly hôn với chị V vì theo anh mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được.

Về con chung: Anh T thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Lý Thúy V, sinh ngày: 10/9/2011, hiện sống với chị V. Khi ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh đã nghỉ việc được khoảng ba tháng nên chưa có thu nhập.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản: Vợ chồng không có nợ chung.

** Quá trình giải quyết vụ án con chung của chị V, anh T là cháu Lý Thúy V trình bày:*
Em đang học lớp 2, trường Tiểu học T, thuộc xã B, huyện T. Hiện em đang ở với mẹ, mẹ có nói sau khi em học xong lớp 2 thì mẹ và em về sống ở quê ngoại. Cuộc sống sinh hoạt hàng ngày thì mẹ là người trực tiếp chăm lo cho em. Nếu ba mẹ không sống chung với nhau nữa thì em có nguyện vọng được tiếp tiếp tục ở với mẹ.

** Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người làm chứng bà Lê Thị Ngọc M khai nhận:*

Bà là mẹ ruột của chị V. Về mâu thuẫn vợ chồng chị V, anh T theo bà khoảng gần một năm nay (khoảng cuối năm 2018) thì chị V có tâm sự với bà việc anh T ăn chơi, sử dụng ma túy, thường xuyên lấy tiền sử dụng cá nhân... nhưng bà M không tin. Khi đó chị V mới thừa nhận thực sự mâu thuẫn từ lâu nhưng chị không dám nói với cha mẹ. Khoảng tháng 02/2019, bà và em gái chị V lên nhà chị V chơi và chứng kiến việc anh T tự ý lấy tiền sử dụng cá nhân, không còn tiền để chị V lấy hàng buôn bán nên vợ chồng cãi vã, xúc phạm nhau. Theo bà M sau khi Tòa án có giấy báo anh T lên tòa giải quyết thì anh đã đánh chị V nên chị bỏ nhà đi cho đến nay. Bà đã khuyên chị V nhưng chị nói sợ anh T lại tiếp tục đánh nên không đồng ý quay về. Trong khoảng thời gian không chung sống thì anh T đã nhiều lần gọi điện thoại, nhắn tin đe dọa tính mạng, sức khỏe của cháu V nên chị V đưa con đi cùng cho đến nay. Đối với yêu cầu ly hôn của chị V, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người làm chứng bà Hoàng Thị M khai nhận: Bà là mẹ ruột anh T, sau khi kết hôn chị V, anh T sống chung với bà. Đến khoảng năm 2017 bà có để vợ chồng chị V, anh T làm nhà bên cạnh nhà bà. Theo bà, giữa chị V, anh T không có mâu thuẫn gì, vợ chồng đều có công việc ổn định. Thời gian gần đây bà có nghe nói anh T và chị V bất hòa nên anh T có tát chị V mấy cái và chị V bỏ nhà đi cho đến nay. Việc chị V yêu cầu ly hôn thì bà không có ý kiến gì.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người làm chứng chị Lý Thị Hồng V khai nhận: Chị là chị gái của anh T, về mâu thuẫn giữa chị V, anh T thì thỉnh thoảng vợ chồng có bất hòa, thời gian gần đây chị có nghe nói vợ chồng cãi vã, anh T có tát chị V mấy cái và chị V bỏ nhà đi cho đến nay. Ngoài ra chị không biết gì khác.

** Theo biên bản xác minh ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, xác minh về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa chị V, anh T, được thực hiện tại nơi cư trú của các đương sự, thể hiện:* Trước đây chị V, anh T chung sống tại địa phương. Tuy nhiên từ tháng 3/2019 đến nay chị V đi nơi khác sinh sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, chủ yếu do anh T không chuyên tâm làm ăn, lo cho gia đình, nghiện ma túy. Ngoài ra mẹ ruột của anh T thường bênh vực con trai nên tạo tâm lý bức xúc cho chị V. Phía ban áp N đã nhiều lần hòa giải cho vợ chồng nhưng anh T không có thiện chí sửa đổi.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết tranh chấp: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V; giao con chung cho chị V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh T không

phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị V không yêu cầu; Về chia tài sản không đặt ra xem xét; Chị V phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị Cẩm V khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Lý Hồng T có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị V, anh T tự nguyện xây dựng gia đình vào năm 2011, có đăng ký kết hôn, đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, nên xác định hôn nhân giữa chị V và anh T là hợp pháp. Ngày 27/02/2019 chị V có đơn xin ly hôn với anh T, tại thời điểm yêu cầu ly hôn thì Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực. Do đó cần áp dụng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 làm căn cứ xem xét, giải quyết yêu cầu của chị V.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng và kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống giữa chị V, anh T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh T không chuyên tâm làm ăn lo cho gia đình, sử dụng ma túy... nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh T đã nhiều lần đánh chị V. Chính quyền địa phương, gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng anh T không thay đổi được. Từ tháng 3/2019 đến nay chị V và anh T không còn chung sống. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Từ đó cho thấy đời sống hôn nhân giữa chị V, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho chị V, anh T ly hôn là cần thiết. Tại phiên tòa, chị V, anh T thật sự tự nguyện ly hôn nên cần ghi nhận sự tự nguyện của các bên theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Lời khai của người làm chứng là bà Hoàng Thị M cho rằng chị V, anh T sống hòa hợp, cả hai đều có cuộc sống ổn định, không có mâu thuẫn gì là chưa phù hợp, không thống nhất với kết quả xác minh cũng như đời sống hôn nhân thực tế của anh T, chị V nên không được Tòa án sử dụng làm căn cứ xem xét.

[2.4] Quá trình chung sống chị V, anh T có một con chung là cháu Lý Thúy V, sinh ngày: 10/9/2011. Hiện nay cháu V đang sống với chị V. Chị V, anh T đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy, chị V có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, anh T hiện không có nghề nghiệp, lại nghiện ma túy do đó việc giao cháu V cho chị V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là cần

thiết, đồng thời đáp ứng nguyện vọng của cháu V được tiếp tục sống với mẹ, tạo điều kiện cho cháu có được môi trường phát triển tốt nhất.

[2.5] Tòa án đã giải thích pháp luật về quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên chị V vẫn không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.6] Chị V, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra xem xét. Vợ chồng không có nợ chung.

[3] Chị V là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 229, Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 11, 12, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 8, khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Bùi Thị Cẩm V.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Cẩm V và anh Lý Hồng T.

Quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Lý Thúy V, sinh ngày: 10/9/2011 cho chị V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục... Tạm thời anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Anh Lý Hồng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết anh T, chị V được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con...

3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Bùi Thị Cẩm V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 001700 ngày 06/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai. Chị V đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Cẩm V, anh Lý Hồng T được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.T;
- CC.THADS H.T;
- UBND xã B, H.T
(số 63, Quyển số: 01/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Nga